



NHẬN DIỆN TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM

• PGS.TS. NGUYỄN CÔNG GIÁP
 Học viện Quản lý Giáo dục

1. Sự cần thiết phải có triết lý giáo dục

Trong thế giới hiện đại, hầu hết các quốc gia đều nhận thức được vai trò quyết định của giáo dục trong phát triển kinh tế và ổn định chính trị-xã hội.

Trong những thập niên gần đây, nhiều nước trên thế giới (trong đó có Việt Nam) đã tiến hành những cải cách to lớn trong giáo dục nhằm khắc phục những bất cập của hệ thống giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục. Những cải cách này diễn ra ở tất cả các cấp bậc học nhưng chưa có một tư tưởng chỉ đạo mang tính hệ thống, cốt lõi xuyên suốt từ mầm non cho đến đại học. Các cải cách đều nhằm tới mục tiêu nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, phạm trù chất lượng lại chưa được giải nghĩa tường minh, mọi người hiểu không thống nhất, không rõ ràng và phần lớn là phát biểu dưới những góc độ khác nhau. Tính manh mún, tính cục bộ của những cải cách ở các cấp bậc học xảy ra bởi chúng ta chưa có một triết lý giáo dục thống nhất cho cả hệ thống, để theo đó mọi cải cách ở từng cấp, bậc học dựa vào làm trụ cột xương sống cho hoạt động giáo dục ở cấp, bậc học mình.

2. Quan niệm về triết lý giáo dục

2.1. Khái niệm triết lý

Khi nói đến triết lý, nhiều người thường viện dẫn từ tiếng Anh "Philosophy" để suy luận triết lý là triết học. Tuy nhiên, nếu theo cách hiểu thông dụng hiện nay của Việt Nam thì hai khái niệm "triết lý" và "triết học" có sự khác biệt nhau về nội dung. Triết học là một khoa học về quy luật vận hành của vạn vật, còn triết lý là nói về một phương châm hành động của một cá nhân, một tập thể, một cộng đồng, một quốc gia trong một lĩnh vực cụ thể nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định. Do vậy, triết lý không mang tính vĩnh cửu mà nó sẽ thay đổi theo bối cảnh. Triết học hình thành trên cơ sở khách quan, còn triết

lý xuất phát từ ý chí chủ quan, xuất phát từ lợi ích chủ quan mặc dù ý chí chủ quan và lợi ích chủ quan này phụ thuộc vào bối cảnh khách quan. Như vậy, có thể nói rằng, triết lý là phương châm hành động của một cá nhân, một tập thể, một cộng đồng, một quốc gia trong một lĩnh vực cụ thể nhất định nhằm đáp ứng lợi ích của mình trong một khoảng thời gian nhất định. Phương châm hành động này sẽ quyết định mục tiêu, phương pháp, nội dung và hình thức tổ chức điều hành của từng lĩnh vực cụ thể, nó là xương sống để mọi hoạt động của lĩnh vực đó dựa vào như là một kim chỉ nam cho mọi hành động.

2.2. Các cách hiểu về triết lý giáo dục

Cho đến nay vẫn chưa có một phát biểu chính thức nào về triết lý giáo dục. Điều đó có thể do chưa nhận thức đến vấn đề này, hoặc nhận thức rằng không cần thiết phải đưa ra triết lý giáo dục một cách tường minh, hoặc nhận thức rằng triết lý giáo dục được thể hiện ở các quan điểm chỉ đạo của Đảng rồi. Tuy nhiên, khi đặt vấn đề phát biểu một cách tường minh triết lý giáo dục thì có sự lúng túng và khác nhau về cách nhìn nhận.

- Có ý kiến cho rằng triết lý là triết học nên nói về triết lý giáo dục là phải đề cập đến các phạm trù triết học biểu hiện trong giáo dục như số lượng và chất lượng, nguyên nhân và hệ quả, v.v...

- Có ý kiến cho rằng triết lý giáo dục thể hiện ở phát biểu của Jac D'Lore: Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để làm người.

- Có ý kiến cho rằng 5 quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII của Đảng là đã thể hiện triết lý giáo dục Việt Nam.

- Có ý kiến cho rằng câu "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" cũng có thể là triết lý giáo dục Việt Nam.

Và còn nhiều cách nhìn nhận khác nữa.



3. Nhận diện triết lí giáo dục Việt Nam

3.1. Các cơ sở để xây dựng triết lí giáo dục

a. *Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập*: Loài người đang chứng kiến xu thế toàn cầu hoá diễn ra trên thế giới. Xu thế này là tất yếu bởi nó bắt nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, theo đó tạo ra bước ngoặt trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, khiến cho phân công lao động ngày càng mở rộng trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học- công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, đã phá vỡ hàng rào ngăn cách địa giới trong giao dịch của con người trên tất cả các mặt giữa các quốc gia. Do vậy, các quốc gia dù muốn hay không đều chịu tác động của quá trình toàn cầu hoá, và để tồn tại, phát triển trong điều kiện ngày nay không thể không tham gia quá trình toàn cầu hoá, tức là phải hội nhập quốc tế, mà hội nhập quốc tế có nghĩa là phải tham gia cạnh tranh toàn cầu. Mỗi quốc gia nếu không muốn tụt hậu và thất bại trong hội nhập và cạnh tranh toàn cầu thì phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình hội nhập, trong đó con người có học thức, có phong cách tư duy và làm việc quốc tế là điều kiện tiên quyết đảm bảo hội nhập thành công.

b. *Kỉ nguyên kinh tế tri thức*: Những năm gần đây chúng ta chứng kiến những biến đổi diễn ra ở các nước Đông Á. Đó là nền kinh tế của các nước này phát triển nhanh chóng và trở thành "đầu tàu" của kinh tế thế giới. Hiện tượng này được gọi là "những điều thần kỳ của Đông Á", và chúng ta gần như sắp chào đón "kỉ nguyên của Đông Á". Tuy nhiên, trong khi các nước hài lòng với những thành tựu đã đạt được thì cuộc khủng hoảng tài chính bất ngờ ập đến các nền kinh tế Đông Á, tác động sâu sắc đến các thị trường chứng khoán trên toàn thế giới.

Tất nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính này chỉ là một sự rối loạn nhỏ đối với các nước Đông Á. Sau khi vượt qua cuộc khủng hoảng, các nước Đông Á vẫn là khu vực phát triển nhanh. Nhưng bên cạnh sự rối loạn này thực tế cho thấy đã xuất hiện một vấn đề rất nghiêm trọng trong nền kinh tế và xã hội của các nước. Đó là làm thế

nào để đối mặt được với những thách thức mà thời đại kinh tế tri thức đặt ra. Cuộc khủng hoảng nêu trên chỉ là thách thức đầu tiên của kỉ nguyên này đặt ra cho thế giới. Con sóng thuỷ triều kinh tế tri thức sẽ đổ xô trên phạm vi toàn thế giới, không một nước nào tránh được nó.

Chúng ta có thể coi lao động, vốn và tri thức là 3 yếu tố nền tảng để phát triển xã hội. Do vậy, tương ứng với điều đó chúng ta có thể chia lịch sử thành 3 thời đại: thời đại kinh tế lao động, thời đại kinh tế vốn, và thời đại kinh tế tri thức, tương ứng với cách chia cũ là thời đại nông nghiệp, thời đại công nghiệp, và thời đại thông tin. Trong thời đại kinh tế lao động, sự thịnh vượng của xã hội phụ thuộc vào số lượng người lao động; trong thời đại kinh tế vốn, sự thịnh vượng của xã hội phụ thuộc vào khối lượng vốn; trong thời đại kinh tế tri thức, sự thịnh vượng của xã hội phụ thuộc vào số lượng và chất lượng các ý tưởng sáng tạo. Và chỉ có các ý tưởng sáng tạo là yếu tố quyết định sức mạnh cạnh tranh quốc tế của một nước.

Đối với Việt Nam, một nước còn chậm phát triển, còn ở trong thời đại kinh tế lao động, sự phát triển kinh tế của chúng ta chủ yếu dựa vào lực lượng lao động rẻ và thiếu lành nghề. Chúng ta cần phải vượt qua thời đại kinh tế vốn để bước vào thời đại kinh tế tri thức.

Chìa khóa để bước vào thời đại kinh tế tri thức là con người. Con người luôn luôn có tư duy sáng tạo là điều kiện tiên quyết để xã hội sản xuất ra các ý tưởng sáng tạo. Trong thời đại kinh tế vốn, số lượng các chuyên gia có trình độ được chú ý hơn cả. Nếu một dân tộc thờ ơ với vai trò của các chuyên gia, dân tộc đó sẽ phải trả giá. Thế nhưng trong thời đại kinh tế tri thức, các ý tưởng sáng tạo có một sức mạnh mà quá khứ không thể so sánh được. Mọi người thường nói rằng tri thức là sức mạnh, nhưng chỉ có trong thời đại kinh tế tri thức thì tri thức mới trở thành sức mạnh to lớn nhất. Những con người sản xuất ra các ý tưởng sáng tạo chính là các yếu tố năng động nhất. Cho nên, vị thế quốc tế của một quốc gia phụ thuộc vào số lượng các nhân tài của mình, nói khác đi là số lượng các ý tưởng sáng tạo, các phát minh, sáng chế.

Nói chung, trong thời đại kinh tế tri thức, cạnh tranh quốc tế là cạnh tranh về con người, những con người có tư duy sáng tạo, đổi mới, đổi mới từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất. Để thắng được trong cuộc cạnh tranh đó, chúng ta cần phải sản xuất được các ý tưởng sáng tạo, các phát minh, sáng chế.

3.2. Vai trò của giáo dục

Bác Hồ đã nói non sông Việt Nam có sánh vai với các cường quốc hay không phụ thuộc một phần rất lớn vào kết quả học tập của các thế hệ trẻ Việt Nam. Nhìn một cách tổng thể, giáo dục có vai trò hình thành nhân cách con người và đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hình thành nhân cách con người xét cho cùng cũng là phục vụ cho việc tạo lập một xã hội văn minh hơn, sung túc hơn, an toàn hơn. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc giáo dục nhân cách con người và đào tạo nhân lực phải giúp giải quyết các thách thức của thời đại đang đặt ra cho từng quốc gia.

Như vậy, sự cạnh tranh trong thời đại kinh tế tri thức chủ yếu là cạnh tranh giữa các nền giáo dục, mà chìa khoá cho cuộc cạnh tranh này là giáo dục và đào tạo được những con người có tư duy sáng tạo, có thói quen tìm cái mới hiệu quả hơn, chất lượng hơn. Nếu chúng ta không giáo dục và đào tạo được thế hệ con người Việt Nam mới có thói quen sáng tạo, có thói quen đổi mới một cách thường xuyên thì sẽ thất bại trong cuộc cạnh tranh của thời đại kinh tế tri thức này. Lịch sử đã đặt giáo dục Việt Nam trước một thách thức mới và phải hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề mới.

3.3. Phát biểu triết lý giáo dục Việt Nam

Nếu dựa theo cách nhìn nhận bối cảnh quốc tế như đã trình bày ở trên thì nền giáo dục nước nhà phải có sứ mệnh là làm sao giáo dục, đào tạo ra những thế hệ con người Việt Nam có đầy đủ sức mạnh trí tuệ và nhân cách để đưa nước ta hội nhập thành công và cạnh tranh thắng lợi trong môi trường toàn cầu. Để hội nhập thành công, để cạnh tranh thắng lợi, để sánh vai với các cường quốc trên thế giới, để nước Việt Nam trường tồn và có vị trí xứng đáng trên trường quốc

tế, con người Việt Nam nhất thiết phải có thói quen phát minh, sáng chế, phải có thói quen tư duy đổi mới, tư duy sáng tạo, từ bỏ thói quen tự thoả mãn với hiện tại, thói quen làm theo, gia công. Con người Việt Nam mới phải có năng lực hội nhập và hợp tác, phải có phong cách làm việc và tư duy quốc tế, do vậy phải biết ngoại ngữ và sử dụng CNTT, phải có tri thức về nền kinh tế toàn cầu và chính trị thế giới. Trong hội nhập, hợp tác và cạnh tranh, con người Việt Nam phải vì dân tộc Việt Nam, phải vì đất nước Việt Nam, phải bảo tồn và phát huy dòng máu Lạc cháu Hồng. Giáo dục Việt Nam phải tạo cho con người Việt Nam những năng lực đó, những phẩm chất đó, và đó là triết lý giáo dục Việt Nam trong thời đại kinh tế tri thức: **Giáo dục tư duy sáng tạo, năng lực hội nhập và giàu lòng yêu nước.**

Nếu thừa nhận triết lý nêu trên thì giáo dục Việt Nam phải có một cuộc cách mạng toàn diện, mạnh mẽ trên các mặt tổ chức hệ thống, nội dung chương trình và phương pháp giáo dục. Giáo dục trong thời đại mới này không chỉ học để biết, học để làm mà điều quan trọng hơn là *học cách sáng tạo, học cách đổi mới, học cách hội nhập và hợp tác*. Đó là triết lý giáo dục, là chìa khoá đảm bảo cho dân tộc ta sánh vai với các cường quốc năm châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Herman E. Daly. *Globalization versus Internationalization: Some Implications*. New York, USA, 1999.
2. Manuel G. Lacuesta, Rosalinda A. San Mateo. *Historical, philosophical, and legal foundations of education*. Manila, Philippines, 1986.
3. Nguyễn Thị Hồng Đào. *Giáo dục đại học Việt Nam trước "ngưỡng cửa" WTO*. Tạp chí Tia sáng. Bộ Khoa học và Công nghệ. Số 11/2005.
4. Ngân hàng Thế giới. *Tri thức cho phát triển*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

SUMMARY

The article presents the need to have philosophy of education, conceptions of philosophy of education and the foundations to establish philosophy of education alongside the role of education on which basis to suggest ideas about Vietnamese philosophy of education